

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/DS-PT
Ngày: 09-7-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 19/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 188/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 99/2024/QĐ-PT ngày 24/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1969, bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm: 1962; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2024).

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Hoàng Như T, sinh năm: 1970, bà Đặng Thị H, sinh năm: 1975; cư trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H – Bị đơn.

(Ông M, bà N, ông S, bà H có mặt; ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2023 và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái S trình bày: Do có mối quan hệ làm ăn quen biết nhau từ nhiều năm trước nên sau khi thu hái cà phê thì ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N có chốt gửi cà phê nhân cho đại lý T1 (ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H) nhiều lần. Mục đích là để khi nào có nhu cầu bán thì ông M, bà N liên hệ ưu tiên bán cho nhà T, Huế theo giá thị trường tại thời điểm bán.

Đến ngày 15/11/2018 vợ chồng ông bà Tuyền H1 có nhận của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N số cà phê nhân Robusta (hàng kiểm) là 20.000kg. Hai bên có lập giấy tờ viết tay với nhau, thỏa thuận là kể từ tháng 11/2018 (âm lịch) trở đi thì bất kỳ khi nào vợ chồng ông M, bà N có nhu cầu cần bán thì vợ chồng ông T, bà H1 sẽ thanh toán theo giá thị trường. Tuy nhiên, đến ngày 20/6/2023 thì vợ chồng ông M, bà N đến nhà vợ chồng ông T, bà H1 để liên hệ bán hết số cà phê còn lại thì vợ chồng ông T bà H1 không đồng ý vì cho rằng không có đủ tiền để thanh toán. Sau đó vợ chồng ông M, bà N có liên hệ nhiều lần nhưng cũng không được.

Do đó, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H phải trả lại cho ông bà 20.000kg cà phê nhân Robusta đã nhận theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Ngoài ra nguyên đơn ông M, bà N không có yêu cầu nào khác.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Trương Thị Quỳnh N1 trình bày: Trước đây bị đơn vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H có chốt cà phê nhân Robusta cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N với khoảng 54.000kg cà phê nhân. Tuy nhiên, bị đơn ông T, bà H đã trả hết số tiền cà phê trên cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N nên hiện nay bị đơn ông T, bà H không còn nợ số cà phê như nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N trình bày nữa.

Nay ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H phải trả lại cho ông bà 20.000 kg cà phê nhân Robusta đã nhận theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì ông T, bà H không đồng ý. Vì trước khi khởi kiện ông M, bà N có làm đơn tố cáo nên gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông T, bà H. Ngoài ra, bị đơn ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 19/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” với bị đơn vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H.

Buộc vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H phải trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N 20.000kg cà phê nhân Robusta đủ độ với giá tại thời điểm xét xử (ngày 29/3/2024) là 98.650đ/kg; thành tiền là 1.973.000.000đ (một tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 16/4/2024 bị đơn vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị đơn bà Đặng Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo và bà yêu cầu nguyên đơn ông M, bà N trả lại cho bà bản chính giấy nhận cà phê ngày 15/11/2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không đến Tòa coi như từ bỏ việc kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông T. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H trả lại 20.000kg cà phê nhân Robusta đã nhận theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Bị đơn vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Ông Hoàng Như T là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3, Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hoàng Như T.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H thì thấy rằng:

Theo hồ sơ thể hiện, tại giấy nhận cà phê ngày 15/11/2018 thể hiện “*Ngày 15/11/2018 Huế Tuyên nhận của Mười N2 20.000kg (20 tấn) cà phê nhân hàng*”

kiếm đến tháng 11 năm 2018 (âm lịch trở đi) lúc nào bán cũng được, giá thị trường” có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông T, bà H. Ông T, bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên của mình (BL số 33). Tuy nhiên, đến ngày 20/6/2023 vợ chồng ông M, bà N2 đến nhà vợ chồng ông T, bà H để bán hết số cà phê còn lại thì vợ chồng ông T, bà H cho rằng không đủ tiền để thanh toán. Sau khi cơ quan công an hướng dẫn vợ chồng ông M, bà N2 làm đơn khởi kiện tại Tòa án thì ông M, bà N2 có gửi đơn khởi kiện kèm theo tài liệu cho vợ chồng ông T, bà H. Bà Đặng Thị H thừa nhận nợ 20.000kg cà phê và sẽ thanh toán trước tết năm 2024 cho vợ chồng M, N2 (BL số 68, 69).

Các bên đã ký giấy nhận cà phê ngày 15/11/2028 nhưng ông T, bà H không thực hiện đúng theo như giấy nhận cà phê. Vợ chồng ông T, bà H cho rằng đã thanh toán hết số tiền cho vợ chồng ông M, bà N2 nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình mà đưa ra các sao kê giao dịch trước đó, không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch chốt cà phê là khoảng 54 tấn cà phê nhân.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M, bà N2 yêu cầu ông T, bà H trả lại số cà phê theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là có căn cứ vì tại giấy nhận hai bên thỏa thuận nguyên đơn vợ chồng ông M, bà N2 có quyền bán cà phê bất cứ lúc nào và bán theo giá thị trường. Theo biên bản xác minh giá cà phê tại huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 29/3/2024 thì giá mua vào 99.300đ/kg, giá bán ra 99.500đ/kg, giá trung bình là 99.400đ/kg. Theo giá cà phê tham khảo vào ngày 29/3/2024 thì giá trung bình tại Lâm Đồng là 98.000đ/kg. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm lấy giá 98.650đ/kg x 20.000kg = 1.973.000.000đ là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà H yêu cầu nguyên đơn ông M, bà N2 trả lại cho bà bản chính giấy nhận cà phê ngày 15/11/2018 là không có cơ sở xem xét vì không thuộc nội dung kháng cáo của bà H. Hơn nữa, bản chính giấy nhận cà phê ngày 15/11/2018 là chứng cứ nguyên đơn giao nộp phải được đánh số bút lục trong hồ sơ vụ án.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Buộc ông T, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hoàng Như T.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” với bị đơn vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H.

- Buộc vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H phải trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N 20.000kg cà phê nhân Robusta đủ độ với giá tại thời điểm xét xử (ngày 29/3/2024) là 98.650đ/kg; thành tiền là 1.973.000.000đ (Một tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H phải chịu 71.190.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 600.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004647, 0004648 cùng ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông T, bà H còn phải nộp số tiền 71.190.000đ án phí.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 51.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000052 ngày 27/9/2023 của Chi cục thi hành án huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành Án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Lâm Hà (01);
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

Vũ Thị Nguyệt